

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2024/HS-ST
Ngày 30 - 9 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Xuân Vinh và bà Trần Thị Ngọc Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 31/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị T; giới tính: Nữ; sinh ngày 17 tháng 1 năm 1993 tại thị xã B, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; trình độ học vấn: lớp 6/12; nghề nghiệp: buôn bán; con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1960 và bà Mai Thị T2, sinh năm 1963; chồng: ông Phạm T3, sinh năm 1985; con: có 02 đứa, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2024 cho đến ngày 29 tháng 5 năm 2024, được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến nay. Có mặt.

2. Phạm Thị B; giới tính: Nữ; sinh ngày 27 tháng 02 năm 1995 tại thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nơi đăng ký cư trú: thôn C, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; trình độ học vấn: lớp 9/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Phạm L (Chết) và bà Phạm Thị V (Chết); chồng: Mai Văn H, sinh năm 1993, con: có 01 đứa, sinh năm 2023; tiền án,

tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2024 cho đến ngày 29 tháng 5 năm 2024, được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến nay. Có mặt.

3. Cao Thị H1; giới tính: Nữ; sinh ngày 02 tháng 5 năm 1994 tại thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nơi đăng ký cư trú: thôn C, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; trình độ học vấn: lớp 5/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Cao T4, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1958; chồng: Nguyễn Văn H3, sinh năm 1986, con: có 03 đứa, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 07/4/2023, bị công an thị xã B xử phạt về hành vi hành chính về hành vi “Đánh bạc”, phạt tiền 1.500.000 đồng, chấp hành nộp phạt vào ngày 12/4/2023. Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2024 cho đến ngày 27 tháng 5 năm 2024, được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến nay. Có mặt.

4. Phạm Thị H4; giới tính: Nữ; sinh ngày 21 tháng 12 năm 1990 tại thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nơi đăng ký cư trú: thôn C, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; trình độ học vấn: lớp 3/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Phạm Văn T5, sinh năm 1949 và bà Hoàng Thị H5, sinh năm 1958; chồng: Cao Nhất, sinh năm 1989, con: có 03 đứa, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 16/01/2023 bị Chủ tịch UBND thành phố Đ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, phạt tiền 1.500.000 đồng, chấp hành nộp phạt ngày 31/01/2023. Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2024 cho đến ngày 29 tháng 5 năm 2024, được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến nay. Có mặt.

5. Nguyễn Thị T6; giới tính: Nữ; sinh ngày 10 tháng 02 năm 1995 tại thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nơi đăng ký cư trú: thôn C, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; trình độ học vấn: lớp 9/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Nguyễn T7, sinh năm 1962 và bà Mai Thị P, sinh năm 1965; chồng: Cao Quý, sinh năm 1993, con: có 02 đứa, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 16/01/2023 bị Chủ tịch UBND thành phố Đ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, phạt tiền 1.500.000 đồng, chấp hành nộp phạt ngày 31/01/2023. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 19 tháng 7 năm 2024 đến nay. Có mặt.

6. Nguyễn Thị H6; giới tính: Nữ; sinh ngày 02 tháng 5 năm 1994 tại thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nơi đăng ký cư trú: thôn C, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; trình độ học vấn: lớp 8/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Nguyễn K, sinh năm 1973 và bà Phạm Thị L1, sinh năm 1974; chồng: Nguyễn Văn D, sinh năm 1992, con: có 01 đứa, sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2024 cho đến ngày 27 tháng 5 năm 2024, được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến nay. Có mặt.

7. Cao Thị T8; giới tính: Nữ; sinh ngày 20 tháng 3 năm 1996 tại thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nơi đăng ký cư trú: thôn C, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; trình độ học vấn: lớp 7/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Cao Văn T9, sinh năm 1966 và bà Phạm Thị N, sinh năm 1970; chồng: Phạm Văn P1, sinh năm 1994, con: có 02 đứa, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2024 cho đến ngày 29 tháng 5 năm 2024, được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến nay. Có mặt.

8. Phạm Thị V1; giới tính: Nữ; sinh ngày 10 tháng 11 năm 1992 tại thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nơi đăng ký cư trú: thôn C, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; trình độ học vấn: lớp 4/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Phạm Đ, sinh năm 1968 và bà Cao Thị T10, sinh năm 1965; chồng: Phạm Phước Đ1, sinh năm 1994; con: có 02 đứa, đều sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2024 cho đến ngày 27 tháng 5 năm 2024, được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến nay. Có mặt.

9. Phạm C; giới tính: Nam; sinh ngày 10 tháng 10 năm 1980 tại thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nơi đăng ký cư trú: thôn C, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; trình độ học vấn: lớp 02/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Phạm B1, sinh năm 1958 và bà Phạm Thị T11, sinh năm 1959; vợ: Mai Thị H7, sinh năm 1980, con: có 03 đứa, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2024 cho đến ngày 27 tháng 5 năm 2024, được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến nay. Có mặt.

10. Nguyễn Thị Phương T12; giới tính: Nữ; sinh ngày 29 tháng 3 năm 1991 tại thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nơi đăng ký cư trú: thôn C, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; trình độ học vấn: lớp 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Nguyễn Hữu C1, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1961; chồng: Hoàng Văn T13, sinh năm 1984, con: có 02 đứa, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 19 tháng 7 năm 2024 đến nay. Có mặt.

11. Nguyễn Thị L3; giới tính: Nữ; sinh ngày 15 tháng 5 năm 1996 tại thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nơi đăng ký cư trú: thôn C, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; trình độ học vấn: lớp 7/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Nguyễn Văn C2, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị H8, sinh năm 1964; chồng: Nguyễn Văn L4, sinh năm 1990; con: có 01 đứa, sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 19 tháng 7 năm 2024 đến nay. Có mặt.

12. Nguyễn Thị H9; giới tính: Nữ; sinh ngày 08 tháng 10 năm 1995 tại thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nơi đăng ký cư trú: thôn C, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; trình độ học vấn: lớp 9/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Nguyễn Xuân T14, sinh năm 1964 và bà Phạm Thị T15, sinh năm 1964; chồng: ông Mai L5, sinh năm 1992, con: có 02 đứa, sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” kể từ ngày 19/7/2024 đến nay. Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Mai Thị H7, sinh năm 1980, nơi cư trú: thôn C, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Người làm chứng: Chị Phạm Thị H10, sinh năm 1987, nơi cư trú: thôn C, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 21 tháng 5 năm 2024, Phạm Thị B, Cao Thị H1, Nguyễn Thị Phương T12, Nguyễn Thị L3, Nguyễn Thị T6 và Phạm Thị H10 đi bộ đến quán cà phê “Em N1 quán” ở thôn C, xã Q, thị xã B do Nguyễn Thị T làm chủ để uống nước, cà phê. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, Cao Thị H1 gọi chủ quán Nguyễn Thị T đem ra 01 bộ bài tú lơ khơ để chơi. Sau khi T đem bài tú lơ khơ ra đặt ở bàn thì L3 cầm bóc bài ra khỏi vỏ, xáo trộn bài rồi chia thành 04 phần mỗi phần 03 quân bài và tự lật bài xem điểm. Lúc này, Phạm Thị B nói “Làm vài ván cho vui hè”, ý là rủ mọi người đánh bạc được thua bằng tiền Việt Nam đồng thì cả H1, T12, L3 đồng ý và cùng với B ngồi tại bàn uống nước trong quán cà phê “Em N1 quán” thực hiện hành vi đánh bạc với nhau, còn Phạm Thị H10 và Nguyễn Thị T6 không tham gia đánh mà ngồi ngoài xem.

Các bị cáo thống nhất đánh bạc bằng hình thức “Ba cây” loại “cào châu”, cụ thể: Các bị cáo sử dụng bài tú lơ khơ (loại bài có 52 quân bài/bộ) để đánh bạc, mỗi ván trước khi đánh thì những người tham gia sẽ đặt, chung tiền “Mậu” vào giữa sòng số tiền 20.000 đồng/người, sau khi chung tiền thì người làm cái chia cho mỗi người tham gia đánh 03 quân bài, chia bài xong thì người đánh tự xem và tính điểm bài của mình sau đó mở, lật bài cho mọi người cùng xem để tìm ra người thắng của ván đánh đó. Cách tính cụ thể như sau:

+ Bài tốt nhất là “Sam”, tức là có 03 quân bài cùng loại, ví dụ “K, K, K”; “10, 10, 10”..., trong đó lớn nhất là “A, A, A”, bé nhất là “2, 2, 2”;

+ Kế tiếp là “Ba tây”, tức là có 03 quân bài thuộc các loại J, Q, K trừ “Sam”.

+ Nếu không thuộc các loại trên thì tính tổng điểm của 03 quân bài lấy đến hàng đơn vị, trong đó lớn nhất là 9 điểm, bé nhất là 0 điểm.

Không tính “Liêng”, tức là có 03 quân bài có thứ tự liền kề nhau và cũng không tính “Chất” (cơ, rô, chuồn, bích) của các quân bài.

Trường hợp có hai người trở lên có cùng loại bài với nhau, ví dụ cùng có 9 điểm hoặc đều có bài “Ba tây” ... thì gọi là “Chầu”, lúc này sẽ không có người thắng, số tiền chung “Mậu” vẫn để ở giữa sòng và những người có bài “chầu” tiếp tục chia bài đánh để xác định người thắng. Những người còn lại nếu muốn tham gia đánh tiếp thì sẽ phải “mua chầu”, tức là chung thêm vào sòng bài số tiền 40.000 đồng/người. “Mua chầu” xong thì người ngồi ở vị trí gần người có bài “chầu” cuối theo hướng ngược kim đồng hồ tính từ người làm cái ván đánh trước đó sẽ là người chia bài để đánh tiếp. Nếu tiếp tục “Chầu” thì những người còn lại (người không có bài chầu) nếu muốn đánh tiếp thì tiếp tục “mua chầu”, số tiền “mua chầu” sẽ bằng với số tiền “mua chầu” ở ván trước đó cộng thêm 20.000 đồng, ví dụ số tiền mua chầu ở lượt chầu thứ 2 là 60.000 đồng, lượt chầu thứ 3 là 80.000 đồng ... Khi ván đánh không còn “Chầu” nữa thì ai có bài cao nhất là người thắng.

Người thắng sẽ được sở hữu toàn bộ số tiền mọi người chung “Mậu” và “Mua chầu” giữa sòng bạc, sau đó người thắng là người làm cái chia bài tiếp tục đánh ván mới.

Khi có ván “Chầu” thì mọi người tham gia đánh sẽ trích “xâu” số tiền là 10.000 đồng từ tổng số tiền chung “mậu” và “mua chầu” nhằm mục đích trả tiền mua bài và nước uống trong quá trình ngồi chơi đánh bạc cho Nguyễn Thị T.

Cả 04 người, B, H1, T12, L3 đánh bạc với nhau được khoảng 15 phút thì lần lượt có Cao Thị T8 và Nguyễn Thị H9 đến quán chơi, nhìn thấy nhóm người trên đang đánh bạc thì cũng ngồi xuống và tham gia đánh bạc.

Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, Nguyễn Thị L3 thua hết tiền nên không đánh nữa mà ngồi xem, một lúc sau thì ra về, khi L3 nghỉ đánh thì Nguyễn Thị T6 nảy sinh ý định và ngồi vào cùng tham gia đánh bạc với nhóm người trên.

Một lúc sau thì lần lượt có Phạm Thị V1, Nguyễn Thị H6 đến quán uống nước rồi cũng ngồi xuống tham gia đánh bạc cùng với B, H1, T12, T6, T8 và H9.

Khoảng 10 giờ 20 phút thì Nguyễn Thị H9 thua hết tiền nên không đánh nữa và ra về. Khoảng 30 phút sau, Nguyễn Thị Phương T12 có việc cá nhân nên không tham gia đánh nữa và ra về (lúc này T12 không thắng, không thua và cầm theo số tiền 1.000.000 đồng ra về), còn lại có Bé, H1, T6, T8, V1 và H6 tiếp tục đánh bạc.

Sau đó vào khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày thì lần lượt có Phạm Thị H4, Phạm C đến quán cà phê chơi, nhìn thấy những người trên đánh bạc thì ngồi xem một lúc rồi cũng ngồi xuống tham gia đánh bạc.

Đánh đến khoảng 16 giờ thì T6 thua hết tiền nên không đánh nữa mà đi về nhà. Sau đó vào khoảng 17 giờ thì T8 và V1 thua hết tiền và có việc cá nhân nên không đánh nữa mà đi về nhà, đến khoảng 19 giờ thì cả hai quay lại và tiếp tục tham gia đánh bạc cùng với B, H1, H4, H6 và C.

Đến khoảng 22 giờ cùng ngày khi Phạm Thị B, Cao Thị H1, Phạm C, Phạm Thị H4, Cao Thị T8, Nguyễn Thị H6 và Phạm Thị V1 đang đánh bạc thì bị Tổ công tác của Công an thị xã B tiến hành kiểm tra, phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Kết quả đã phát hiện, thu giữ trực tiếp ở giữa sòng bạc số tiền các đối tượng đang dùng để đánh bạc là 13.180.000 đồng; Thu giữ trên người của Phạm Thị B số tiền 2.200.000 đồng; trên người của Cao Thị H1 số tiền 1.030.000 đồng; trên người của Phạm C số tiền 12.500.000 đồng; trên người của Cao Thị T8 số tiền 610.000 đồng; trên người của Nguyễn Thị H6 số tiền 1.500.000 đồng và một số tang vật liên quan. Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ từ Nguyễn Thị T số tiền 700.000 đồng và thu giữ từ Nguyễn Thị Phương T12 số tiền 1.000.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo khai nhận số tiền mang theo để thực hiện hành vi đánh bạc, cụ thể như sau: Phạm Thị B số tiền 2.450.000 đồng; Cao Thị H1 số tiền 750.000 đồng; Nguyễn Thị Phương T12 số tiền 1.000.000 đồng; Nguyễn Thị L3 số tiền 380.000 đồng; Cao Thị T8 số tiền 1.520.000 đồng; Nguyễn Thị H9 số tiền 320.000 đồng; Nguyễn Thị T6 số tiền khoảng 2.000.000 đồng; Phạm Thị V1 số tiền khoảng 1.800.000 đồng; Nguyễn Thị H6 số tiền khoảng 5.450.000 đồng; Phạm Thị H4 số tiền khoảng 2.500.000 đồng; Phạm C số tiền 300.000 đồng.

Về số tiền mà Cơ quan điều tra thu giữ nêu trên, các bị cáo Phạm Thị B, Cao Thị H1, Cao Thị T8, Nguyễn Thị H6, Nguyễn Thị Phương T12 khai nhận số tiền thu giữ trên người của mình là tiền dùng để thực hiện hành vi đánh bạc; Nguyễn Thị T khai nhận số tiền 700.000 đồng có được từ việc các bị cáo đánh bạc trích tiền “xâu” cho mình. Riêng số tiền 12.500.000 đồng thu giữ trên người Phạm C là tiền của vợ chồng C cất riêng để trả nợ, C không sử dụng để đánh bạc.

Như vậy, kết quả điều tra xác định tổng số tiền mà các bị can sử dụng để đánh bạc vào ngày 21 tháng 5 năm 2024 tại quán cà phê “Em Nụ quán” của Nguyễn Thị T là 20.220.000 đồng.

- Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã thu giữ vật chứng của vụ án gồm:

+ Tiền Việt Nam đồng: 32.720.000 đồng (Ba mươi hai triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng). Trong đó: Thu giữ trực tiếp giữa sòng bạc số tiền 13.180.000 đồng; Thu giữ trên người của Phạm Thị B số tiền 2.200.000 đồng; Thu giữ trên người của Cao Thị H1 số tiền 1.030.000 đồng; Thu giữ trên người của Phạm C số tiền 12.500.000 đồng; Thu giữ trên người của Cao Thị T8 số tiền 610.000 đồng; Thu giữ trên người của Nguyễn Thị H6 số tiền 1.500.000 đồng; Thu giữ từ Nguyễn Thị T số tiền 700.000 đồng; Thu giữ từ Nguyễn Thị Phương T12 số tiền 1.000.000 đồng;

+ 02 (hai) bộ bài tú lơ khơ (loại 52 quân bài/bộ), làm bằng giấy, mặt ngoài của mỗi lá bài có màu xanh, đều đã qua sử dụng;

+ 01 (một) bàn nhựa nhãn hiệu VIET NHAT PLASTIC, màu đỏ, kích thước (75x50x54)cm, đã qua sử dụng;

+ 03 (ba) ghế nhựa nhãn hiệu QUI PHÚC, màu xanh - trắng, mặt ghế kích thước (40x30)cm, cao 35cm, phần tựa lưng cao 35cm, đã qua sử dụng;

+ 07 (bảy) ghế nhựa nhãn hiệu QUI PHÚC, màu cam - trắng, mặt ghế kích thước (40x30)cm, cao 35cm, phần tựa lưng cao 35cm, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) cái ví da màu đỏ, kích thước (14x10) cm, trên ví có in dập dòng chữ “CLASSIC & MODERN”, đã qua sử dụng thu giữ từ Nguyễn Thị H6.

Cáo trạng số 35/CT-VKSBD ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “Gá bạc” quy định tại các điểm b, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Phạm Thị B, Cao Thị H1, Phạm Thị H4, Nguyễn Thị T6, Nguyễn Thị H6, Cao Thị T8, Phạm Thị V1, Phạm C, Nguyễn Thị Phương T12, Nguyễn Thị L3 và Nguyễn Thị H9 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét họ đã có lời khai tại hồ sơ vụ án, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến kết quả giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn phát biểu luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo toàn bộ nội dung Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Gá bạc” quy định tại các điểm b, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Phạm Thị B, Cao Thị H1, Phạm Thị H4, Nguyễn Thị T6, Nguyễn Thị H6, Cao Thị T8, Phạm Thị V1, Phạm C, Nguyễn Thị Phương T12, Nguyễn Thị L3 và Nguyễn Thị H9 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

+ Về hình phạt:

* Áp dụng các điểm b, c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Thị T từ 12 (Mười hai) đến 15 (Mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 (Hai mươi bốn) đến 30 (Ba mươi) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

* Áp dụng các khoản 1, 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt Phạm Thị B từ 07 (Bảy) đến 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 (Mười bốn) đến 18 (Mười tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

* Áp dụng các khoản 1, 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Cao Thị H1, Phạm Thị H4, Nguyễn Thị T6, Nguyễn Thị H6, Cao Thị T8, Phạm Thị V1, Phạm C, Nguyễn Thị Phương T12, Nguyễn Thị L3 và Nguyễn Thị H9. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Cao Thị H1, xử phạt: các bị cáo Cao Thị H1, Phạm Thị H4, Nguyễn Thị T6 mỗi bị cáo từ 18 (mười tám) đến 21 (Hai mươi một) tháng Cải tạo

không giam giữ; các bị cáo Nguyễn Thị H6, Cao Thị T8, Phạm Thị V1, Phạm C, Nguyễn Thị Phương T12, Nguyễn Thị L3, Nguyễn Thị H9 mỗi bị cáo từ 15 (Mười lăm) đến 18 (Mười tám) tháng Cải tạo không giam giữ.

Các bị cáo Cao Thị H1, Nguyễn Thị H6, Phạm Thị V1, Phạm C được trừ vào thời hạn bị tạm giữ 05 ngày, tương đương với 15 ngày cải tạo không giam giữ; các bị cáo Phạm Thị H4, Cao thị T16 được trừ vào thời hạn bị tạm giữ 07 ngày, tương đương với 21 ngày cải tạo không giam giữ.

Do các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Áp dụng hình phạt bổ sung: bị cáo Nguyễn Thị T số tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng; bị cáo Phạm Thị B số tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng; các bị cáo Cao Thị H1, Phạm Thị H4, Nguyễn Thị T6, Nguyễn Thị H6, Cao Thị T8, Phạm Thị V1, Phạm C, Nguyễn Thị Phương T12, Nguyễn Thị L3, Nguyễn Thị H9 số tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; các khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để:

Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) bộ bài tú lơ khơ (loại 52 quân bài/bộ), làm bằng giấy, mặt ngoài của mỗi lá bài có màu xanh, đều đã qua sử dụng; 01 (một) bàn nhựa nhãn hiệu VIET NHAT PLASTIC, màu đỏ, kích thước (75x50x54)cm, đã qua sử dụng; 03 (ba) ghế nhựa nhãn hiệu QUI PHÚC, màu xanh - trắng, mặt ghế kích thước (40x30)cm, cao 35cm, phần tựa lưng cao 35cm, đã qua sử dụng; 07 (bảy) ghế nhựa nhãn hiệu QUI PHÚC, màu cam - trắng, mặt ghế kích thước (40x30)cm, cao 35cm, phần tựa lưng cao 35cm, đã qua sử dụng; 01 (một) cái ví da màu đỏ, kích thước (14x10) cm, trên ví có in dập dòng chữ “CLASSIC & MODERN”, đã qua sử dụng thu giữ từ Nguyễn Thị H6.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 20.220.000 đồng do liên quan đến tội phạm.

Trả cho vợ chồng Phạm C và Mai Thị H7 số tiền 12.500.000 đồng, do không liên quan đến tội phạm.

+ Buộc các bị cáo phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

- Các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhất trí toàn bộ nội dung Cáo trạng và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn đã truy tố, không tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm

quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Tại phiên tòa, lời khai nhận tội của các bị cáo thể hiện, vào sáng ngày 21/5/2024, Nguyễn Thị T đã sử dụng quán thuộc sở hữu của mình ở thôn C, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình để cho 11 người, gồm Phạm Thị B, Cao Thị H1, Phạm Thị H4, Nguyễn Thị T6, Nguyễn Thị H6, Cao Thị T8, Phạm Thị V1, Phạm C, Nguyễn Thị Phương T12, Nguyễn Thị L3 và Nguyễn Thị H9 đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức “Ba cây”. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 20.220.000 đồng; trong đó: thu giữ trực tiếp giữa sòng bạc số tiền 13.180.000 đồng; thu giữ trên người của Phạm Thị B số tiền 2.200.000 đồng; thu giữ trên người của Cao Thị H1 số tiền 1.030.000 đồng; thu giữ trên người của Cao Thị T8 số tiền 610.000 đồng; thu giữ trên người của Nguyễn Thị H6 số tiền 1.500.000 đồng; thu giữ từ Nguyễn Thị T số tiền 700.000 đồng; thu giữ từ Nguyễn Thị Phương T12 số tiền 1.000.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Phạm Thị T17 đủ yếu tố cấu thành tội Gá bạc, tội phạm và hình phạt quy định tại các điểm a, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; hành vi các bị cáo Phạm Thị B, Cao Thị H1, Phạm Thị H4, Nguyễn Thị T6, Nguyễn Thị H6, Cao Thị T8, Phạm Thị V1, Phạm C, Nguyễn Thị Phương T12, Nguyễn Thị L3 và Nguyễn Thị H9 đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh Bạc”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi gá bạc và đánh bạc của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội, còn là nguyên nhân dẫn đến nhiều tệ nạn khác. Tội đánh bạc có tính đồng phạm nhưng giản đơn, giữ vai trò cao nhất trong vụ án là bị cáo Phạm Thị B với vai trò khởi xướng; kế tiếp là các bị cáo Cao Thị H1, Phạm Thị H4, Nguyễn Thị T6 có nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt hành chính; tiếp theo và cuối cùng lần lượt là bị cáo Nguyễn Thị H6, Phạm Thị H4, Nguyễn Thị T6, Phạm Thị V1, Cao Thị T8, Nguyễn Thị H9, Phạm C tương ứng với số tiền tham gia đánh bạc.

[4] Xét các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thuộc trường hợp giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Phạm Thị B, Cao Thị H1, Phạm Thị H4, Nguyễn Thị T6, Nguyễn Thị H6, Cao Thị T8, Phạm Thị V1, Phạm C, Nguyễn Thị Phương T12, Nguyễn Thị L3 và Nguyễn Thị H9 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thuộc trường hợp giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng các bị cáo Phạm Thị B và Cao Thị H1 có bổ đề là người có công với cách mạng; bị cáo Nguyễn Thị T có thành tích trong trấn lữ lự năm 2020, trong phòng chống C3 và ủng hộ đồng bào lữ lự năm 2024 được chính quyền địa phương xác nhận, đều thuộc trường hợp được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Các bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo giáo dục tại địa

phương nên chưa cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội. Bị cáo Nguyễn Thị T sử dụng quán thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình để tổ chức cho trên 10 người đánh bạc với số tiền trên 20.000.000 đồng, bị cáo Phạm Thị B khởi xướng việc đánh bạc; tính chất, mức độ hành vi và vai trò nguy hiểm hơn các bị cáo khác nên cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự để xử phạt các bị cáo Nguyễn Thị T và Phạm Thị B bằng hình phạt tù cho hưởng án treo, chịu thời gian thử thách dưới sự giám sát của chính quyền địa phương, tạo điều kiện cho các bị cáo cơ hội sửa chữa lỗi lầm. Các bị cáo Cao Thị H1, Phạm Thị H4, Nguyễn Thị T6, Nguyễn Thị H6, Cao Thị T8, Phạm Thị V1, Phạm C, Nguyễn Thị Phương T12, Nguyễn Thị L3 và Nguyễn Thị H9 đánh bạc đơn thuần nên cần áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự để xử phạt bằng hình phạt cải tạo không giam giữ và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương, phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe; trong đó các bị cáo Cao Thị H1, Phạm Thị H4, Nguyễn Thị T6 có nhân thân xấu nên chịu hình phạt nặng hơn các bị cáo còn lại; các bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập không ổn định nên được miễn khấu trừ thu nhập.

Đối với các bị cáo bị xử phạt bằng hình phạt cải tạo không giam giữ mà trước đó đã bị tạm giữ thì được khấu trừ thời gian tạm giữ theo quy đổi 01 ngày tạm giữ tương ứng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 và khoản 3 Điều 322 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền. Do đó, đối với các bị cáo ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền để buộc nộp ngân sách nhà nước. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hình phạt chính và hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

[6] Về vật chứng: Xử lý như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[7] Về án phí: Các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Gá bạc”; các bị cáo Phạm Thị B, Cao Thị H1, Phạm Thị H4, Nguyễn Thị T6, Nguyễn Thị H6, Cao Thị T8, Phạm Thị V1, Phạm C, Nguyễn Thị Phương T12, Nguyễn Thị L3 và Nguyễn Thị H9 phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng các điểm b, c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Thị T 13 (Mười ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 26 (Hai mươi sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/9/2024).

Phạt bổ sung bị cáo số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

2.2. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt Phạm Thị B 08 (T18) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (Mười sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/9/2024).

Phạt bổ sung bị cáo số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Giao các bị cáo Nguyễn Thị T và Phạm Thị B cho Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách án treo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.3. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Cao Thị H1, Phạm Thị H4, Nguyễn Thị T6, Nguyễn Thị H6, Cao Thị T8, Phạm Thị V1, Phạm C, Nguyễn Thị Phương T12, Nguyễn Thị L3 và Nguyễn Thị H9. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Cao Thị H1. Xử phạt:

- Cao Thị H1 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 15 (Mười lăm) ngày do quy đổi từ thời gian tạm giữ thành thời gian cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ còn lại buộc bị cáo phải chấp hành là 17 (Mười bảy) tháng 15 (Mười lăm) ngày.

- Phạm Thị H4 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 21 (Hai mươi mốt) ngày do quy đổi từ thời gian tạm giữ thành thời gian cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ còn lại buộc bị cáo phải chấp hành là 17 (Mười bảy) tháng 09 (Chín) ngày.

- Nguyễn Thị T6 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

- Nguyễn Thị H6 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 15 (Mười lăm) ngày do quy đổi từ thời gian tạm giữ thành thời gian cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ còn lại buộc bị cáo phải chấp hành là 14 (Mười bốn) tháng 15 (Mười lăm) ngày.

- C4 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 21 (Hai mươi mốt) ngày do quy đổi từ thời gian tạm giữ thành thời gian cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ còn lại buộc bị cáo phải chấp hành là 14 (Mười bốn) tháng 09 (Chín) ngày.

- Phạm Thị V1 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 15 (Mười lăm) ngày do quy đổi từ thời gian tạm giữ thành thời gian cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ còn lại buộc bị cáo phải chấp hành là 14 (Mười bốn) tháng 15 (Mười lăm) ngày.

- Phạm Chước 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 15 (Mười lăm) ngày do quy đổi từ thời gian tạm giữ thành thời gian cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ còn lại buộc bị cáo phải chấp hành là 14 (Mười bốn) tháng 15 (Mười lăm) ngày.

- Nguyễn Thị Phương T12 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ.

- Nguyễn Thị L3 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ.

- Nguyễn Thị H9 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung mỗi bị cáo số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an thị xã B, tỉnh Quảng Bình nhận được quyết định thi hành án. Giao các bị cáo Cao Thị H1, Phạm Thị H4, Nguyễn Thị T6, Nguyễn Thị H6, Cao Thị T8, Phạm Thị V1, Phạm C, Nguyễn Thị Phương T12, Nguyễn Thị L3 và Nguyễn Thị H9 cho Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình phối hợp cùng với gia đình để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt. Trường hợp các bị cáo vắng mặt nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì việc giám sát bị cáo thực hiện theo các khoản 1, 2 Điều 100 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

3. Về vật chứng: áp dụng các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; các khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

3.1. Tịch thu tiêu hủy:

+ 02 (hai) bộ bài tú lơ khơ (loại 52 quân bài/bộ), làm bằng giấy, mặt ngoài của mỗi lá bài có màu xanh, đều đã qua sử dụng;

+ 01 (một) bàn nhựa nhãn hiệu VIET NHAT PLASTIC, màu đỏ, kích thước (75x50x54)cm, đã qua sử dụng;

+ 03 (ba) ghế nhựa nhãn hiệu QUI PHÚC, màu xanh - trắng, mặt ghế kích thước (40x30)cm, cao 35cm, phần tựa lưng cao 35cm, đã qua sử dụng;

+ 07 (bảy) ghế nhựa nhãn hiệu QUI PHÚC, màu cam - trắng, mặt ghế kích thước (40x30)cm, cao 35cm, phần tựa lưng cao 35cm, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) cái ví da màu đỏ, kích thước (14x10) cm, trên ví có in dập dòng chữ “CLASSIC & MODERN”, đã qua sử dụng thu giữ từ Nguyễn Thị H6.

3.2. Tịch thu sung ngân sách nhà nước: số tiền 20.220.000 đồng.

3.3. Trả lại Phạm C số tiền 12.500.000 đồng.

(Vật chứng có đặc điểm mô tả như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn ngày 10/9/2024).

4. Án phí: áp dụng các Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án”, buộc mỗi bị cáo chịu nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ các khoản 1, 4 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/9/2024) đối với những người có mặt và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án đối với những người vắng mặt.

Nơi nhận: - TAND tỉnh Quảng Bình; - VKSND tỉnh Quảng Bình; - Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình; - VKSND thị xã Ba Đồn; - Công an thị xã Ba Đồn; - Cơ quan THAHS CA thị xã Ba Đồn; - Chi cục THADS thị xã Ba Đồn; - UBND xã Quảng Lộc, tx. Ba Đồn; - Bị cáo; người tham gia tố tụng; - Lưu HSVA; THA hình sự.	TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa (Đã ký) Phan Anh Đức
---	--

